

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **67/2025/DS-ST**

Ngày: 22/4/2025

V/v tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 577/2024/TLST-DS ngày 03/12/2024 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2025/QĐST-DS ngày 04/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị Ngọc H, sinh năm 2004. Nơi cư trú: số A, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đào Hồng V, sinh năm 1966. Địa chỉ: số H ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị Bé D, sinh năm 1987. Nơi cư trú: số B, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14/10/2024; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 12/02/2025; đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 08/4/2025, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H là bà Đào Hồng V trình bày:

Vào năm 2024 bà Đinh Thị B Duyên có tham gia chơi rất nhiều dây hụi ngày do bà Lưu Thị Ngọc H làm chủ. Đến đầu tháng 10 năm 2024 do các hụi viên của bà H bị vỡ hụi, không ai đóng hụi nên bà H cũng tuyên bố ngưng thu hụi. Sau đó bà H và bà D cùng nhau tính toán để cân trừ qua lại giữa hụi sống và hụi chết. Sau khi cân trừ qua lại thì bà D còn nợ lại bà H số tiền là 287.300.000 (Hai trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng. Sự việc trên, bà D có ký giấy xác nhận nợ hụi với bà H và trong tờ giấy xác nhận (có chứng thực chữ ký bà D của UBND xã G), bà D có cam kết mỗi ngày trả cho bà H số tiền 10.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên, ngày thực hiện trả tiền lần đầu vào ngày 21/10/2024. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà D không thực hiện việc trả nợ dần như đã cam kết.

Đến nay nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà H bị xâm phạm nên bà H làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết như sau: buộc Đinh Thị Bé D có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 287.300.000 (Hai trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 23.340.000 đồng.

Do bận công việc không đến tham gia phiên toà được nên bà Đào Hồng V yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Đinh Thị Bé D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, không có bản khai với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, khoản 2 Điều 244, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Ngọc H. Buộc bà Đinh Thị Bé D có nghĩa vụ trả cho H số tiền 287.300.000 (Hai trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H với số tiền 23.340.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H tranh chấp “*hợp đồng góp hui*” với bị đơn bà Đinh Thị B Duyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H là bà Đào Hồng V có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Đinh Thị Bé D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng góp hui giữa nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H với bị đơn bà Đinh Thị Bé D được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị

lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án thì bà Lưu Thị Ngọc H có cung cấp cho Tòa án Bản chính Giấy xác nhận về việc xác nhận nợ hui ngày 09/10/2024 (được UBND xã G chứng thực chữ ký ngày 14/10/2024 của bà Đinh Thị Bé D – bút lục 30, 31) có nội dung thể hiện bà Đinh Thị B D còn nợ lại bà Lưu Thị Ngọc H số tiền 287.300.000 (Hai trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng và hứa trong 15 ngày, bắt đầu từ ngày 21/10/2024 trả 10.000.000 (Mười triệu) đồng/ngày cho đến hết số nợ.

Xét thấy từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đinh Thị Bé D nhưng bà D không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H nên xem như bà D đã mặc nhiên thừa nhận nợ số tiền như bà H khởi kiện và Giấy xác nhận ngày 09/10/2024 của bà H cung cấp có chứng thực chữ ký của bà D nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà H có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

[5] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Ngọc H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Ngọc H. Buộc bà Đinh Thị Bé D phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hui 287.300.000 (Hai trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng. Bà H không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét.

[6] Đinh chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc H với số tiền 23.340.000 đồng.

[7] Về án phí: Buộc bà D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Ngọc H. Buộc bà Đinh Thị Bé D phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 287.300.000 (Hai trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng. Bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc H với số tiền 23.340.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đình Thị Bé D có nghĩa vụ nộp số tiền 14.365.000 (Mười bốn triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Lưu Thị Ngọc H được Chi cục thi hành án dân sự huyện T hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.766.000 (Bảy triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006051, ngày 02 tháng 12 năm 2024.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc